

VẤN ĐỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

(Nghiên cứu trường hợp dân tộc Hmông)

ĐẶNG THỊ HOA, PHẠM THỊ KIM OANH

Nghiên cứu về bạo lực gia đình là vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong điều kiện của một nước đang phát triển như ở Việt Nam, vấn đề bạo lực gia đình đang đặt ra như là một vấn đề xã hội cần được giải quyết.

Bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi có biểu hiện như thế nào và tình trạng của nó ra sao, cho đến nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên biệt nào. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xin đề cập trường hợp dân tộc Hmông, một dân tộc có số dân đứng thứ 8 trong danh mục 54 dân tộc của Việt Nam, cư trú chủ yếu tập trung ở các tỉnh biên giới phía Bắc như: Hà Giang, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An và Yên Bái...

1. Một số quan điểm trong nghiên cứu bạo lực gia đình

Trong Tuyên ngôn về loại trừ bạo lực chống lại phụ nữ do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua năm 1993, bạo lực trong gia đình được coi là “Bất kỳ một hành động bạo lực dựa trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, về tình dục, hay tâm lý, hay những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do (của phụ nữ), bất kể trong đời sống riêng tư hay bên ngoài cộng đồng.” (United Nations, 1995, tr.

73; UNIFEM, 1998). Bạo lực gia đình theo ý nghĩa này được cộng đồng quốc tế nhìn nhận như là “một trở ngại cho sự bình đẳng và là sự vi phạm không thể chấp nhận được đối với nhân phẩm con người”. Tuy nhiên, nó đang là một hiện tượng toàn cầu vì nó tác động đến một bộ phận không nhỏ phụ nữ trên thế giới. “Phần lớn bạo lực chống lại phụ nữ xảy ra trong gia đình và người gây ra bạo lực gần như luôn luôn là đàn ông, thường là người chồng/bạn đời, hoặc chồng cũ/bạn đời cũ, hay những người đàn ông quen biết của phụ nữ” (WHO, 1998, tr. 5).

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về bạo lực gia đình được quan tâm và triển khai từ cuối những năm 90 thế kỷ trước. Một trong những nghiên cứu đầu tiên được công bố là nghiên cứu của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam vào năm 1997. Tiếp đó là các công trình nghiên cứu “*Vấn đề bạo lực đối với phụ nữ và gia đình và thái độ hành vi thực hành của cán bộ y tế*” do RaFH thực hiện tại Hà Nội và Ninh Bình năm 2001; Nghiên cứu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Thị trường và Phát triển (2001) về “*Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn, Tiền Giang*”; Nghiên cứu về tình hình bạo lực gia đình trong dự án “*Xu hướng bình đẳng giới trong gia đình trong các chương trình sức khỏe, dân số ở Việt Nam tại Hà Nội, Thái Bình và Phú Thọ*” do Trung

tâm nghiên cứu Giới và Phát triển (RCGAD) phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, RaFH với sự trợ giúp của Quỹ dân số Liên hiệp quốc và Cơ quan hợp tác phát triển Thụy Sĩ thực hiện năm 2002-2005; v.v.

Hiện nay, khái niệm về bạo lực gia đình chưa được các nhà nghiên cứu thống nhất. “Cũng lưu ý rằng các khái niệm *bạo lực/bạo hành trong gia đình, bạo lực/bạo hành trên cơ sở giới và bạo lực/bạo hành chống lại phụ nữ* đôi khi được sử dụng thay thế cho nhau trong nhiều trường hợp mà không có một sự lưu ý về sự khác biệt trong nội hàm của từng khái niệm” (Nguyễn Hữu Minh và cộng sự, 2006). Dưới đây, chúng tôi xin nêu một số cách phân loại bạo lực gia đình thường thấy trong các nghiên cứu về vấn đề này:

- Hai loại bạo lực gia đình: a) *Bạo lực nhìn thấy được*, thường là các hành vi bạo lực về thể chất như đánh đập, cưỡng bức tình dục, sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, kể cả việc dùng vũ lực để can thiệp vào ý muốn sử dụng các biện pháp tránh thai của vợ; b) *Bạo lực không nhìn thấy được*, bao gồm việc sỉ nhục, chửi bới, thờ ơ lãnh đạm, hoặc “chiến tranh lạnh” (Lê Thị Quý, 2000; Lê Ngọc Văn, 2004).

- Ba loại bạo lực gia đình: a) *Bạo hành thể xác*; b) *Bạo hành tinh thần*: mọi hành động tổn thương tới đời sống tinh thần của người phụ nữ như lăng mạ, chửi rủa, mắng mỏ, đe dọa hoặc những hành vi khác xúc phạm làm nhục vợ trước mặt người khác làm cho họ đau đớn lo sợ, ngoại tình; c) *Bạo hành tình dục*: cưỡng ép vợ trong quan hệ tình dục trái với ý muốn của người vợ, thậm chí lúc mệt mỏi, ốm đau (Lê Phương Mai, 2000; Nguyễn Thị Hoài Đức, 2001)

- Bốn loại bạo lực gia đình: a) *Ngược đãi thân thể*; b) *Ngược đãi về lời nói*; c) *Ngược đãi về tình cảm*: chiến tranh lạnh, phớt lờ; d) *Ngược đãi liên quan đến tình dục*: cưỡng ép tình dục (Vũ Mạnh Lợi và các cộng sự, 1999).

- Năm loại bạo lực gia đình: a) *Cưỡng bức thân thể*, bao gồm các hành vi như đấm đá, bập tai... gây tổn thương về thể xác; b) *Cưỡng bức tình dục*, bao gồm việc ép phải quan hệ tình dục hoặc bắt xem những hình ảnh khiêu dâm mà không được phép của phụ nữ; c) *Cưỡng bức về tâm lý và tình cảm*, bao gồm việc sống trong bầu không khí bị đe dọa và so sánh họ với người khác với lời lẽ mạt sát; d) *Cưỡng bức về mặt xã hội*, bao gồm việc cắt đứt các mối quan hệ giữa người phụ nữ với người thân trong gia đình và bạn bè; e) *Cưỡng bức về tài chính*, trong đó người chồng hoàn toàn kiểm soát về mặt tài chính đối với người vợ (Bùi Thu Hằng, 2001).

2. Địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Hoạt động nghiên cứu về bạo lực gia đình trong nhóm dân tộc Hmông được tiến hành tại hai tỉnh Lào Cai và Sơn La, chủ yếu tại hai huyện Bắc Hà và Mộc Châu với 400 phiếu điều tra hộ gia đình. Đối tượng điều tra là đại diện cho các hộ gia đình người Hmông tại 4 xã: Thái Giàng Phố, Lầu Thí Ngài, Tân Lập và Văn Hồ. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn thực hiện 22 cuộc thảo luận nhóm với các đối tượng là nhóm phụ nữ, nam giới đã có vợ/chồng; nhóm người cao tuổi; nhóm thanh niên chưa lập gia đình; nhóm lãnh đạo và nhóm nạn nhân của bạo lực gia đình. 15 cuộc phỏng vấn sâu tập trung vào những người đại diện cho chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và một số nạn nhân và thủ phạm của bạo lực gia đình.

Bảng 1: Địa bàn và số lượng hộ gia đình điều tra

Tỉnh	Huyện	Xã	Số lượng hộ điều tra (hộ)
Lào Cai	Bắc Hà	Thái Giàng Phố	100
		Lâu Thí Ngài	101
Sơn La	Mộc Châu	Tân Lập	99
		Vân Hồ	100

3. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Tại thời điểm nghiên cứu năm 2006, trong số 400 hộ gia đình được lựa chọn điều tra, 100% là người dân tộc Hmông (không có hộ gia đình nào có thành viên là người ngoài dân tộc Hmông). Trong đó có 221 nam (55,3%) và 179 nữ (44,8%). Độ tuổi của đối tượng điều tra tập trung chủ yếu ở độ tuổi từ 20 - 50 tuổi (79,7%), đặc biệt có 6,5% số người là đại diện cho hộ gia đình, đã có vợ/chồng dưới 19 tuổi.

Trong số gia đình được điều tra, 60,3% số hộ hiện nay đang có hai thế hệ; 35,3% số hộ có từ 3 thế hệ trở lên cùng chung sống. Bình quân số nhân khẩu trong hộ gia đình là 5,7 người. Số người hiện có từ 5 con trở lên chiếm 24%.

Trình độ học vấn của đối tượng điều tra là rất thấp. Có tới 63,5% số người được hỏi là mù chữ; 5,5% người chỉ biết đọc, biết viết. Số người có trình độ tiểu học là 15,8%; trung học cơ sở là 11,8% và trung học phổ thông là 3%. Trình độ trung cấp trở lên chỉ có 2 người, chiếm 0,5%. Trong khi đó, số người là cán bộ, công nhân viên nhà nước, cán bộ nghỉ hưu là 31 người, chiếm 7,8%.

Qua khảo sát 400 hộ gia đình Hmông cho thấy gia đình Hmông vẫn là những gia đình lớn với số con khá đông: 5,1 con/cặp vợ chồng. Trình độ học vấn thấp, chủ yếu

sống bằng nghề làm nương rẫy. Có tới 28,5% số hộ tự nhận là hộ nghèo: 66,3% tự nhận mức sống trung bình và chỉ có 4,8% số hộ tự nhận có mức sống khá; chỉ có 0,5% số hộ tự nhận là hộ giàu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng về bạo lực gia đình ở người Hmông

Khảo sát thực tế cho thấy tình trạng bạo lực trong gia đình Hmông diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở cấp độ nguy hiểm nhất là tình trạng tự tử do mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn vợ chồng khá nhiều. Theo số liệu báo cáo của công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La trong năm 2005 có tới 13 vụ tự tử, trong đó làm chết 10 nạn nhân có liên quan đến bạo lực gia đình. Trong số nạn nhân chết liên quan đến bạo lực gia đình có 4 nạn nhân là dân tộc Hmông (do mâu thuẫn gia đình nên đã ăn lá ngón tự tử).

Theo Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, các vụ án ly hôn có liên quan đến bạo lực gia đình có tỷ lệ khá cao: Số vụ ly hôn do bị ngược đãi trong năm 2005 là 12 vụ, chiếm 7,2%. Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Mộc Châu cho biết, trong 5 năm (2001 – 2005) toàn huyện có tới 687 vụ liên quan đến hôn nhân gia đình, trong đó 70% số vụ có chị em phụ nữ bị chồng đánh.

Đối với người Hmông, do đặc điểm trong phong tục tập quán nên số vụ ly hôn thường rất ít. Người vợ thường cam chịu và chấp nhận kể cả trong trường hợp người chồng rất vũ phu, đối xử tệ bạc. Tuy nhiên, số

vụ tự tử liên quan đến bạo lực gia đình ở người Hmông là khá nhiều. Chúng tôi xin dẫn ra một số trường hợp điển hình tại xã Lầu Thí Ngài và Thái Giàng Phố thuộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Hộp 1: Trường hợp ở xã Lầu Thí Ngài.

Chị Giàng Thị Phá, sinh năm 1974, trình độ văn hoá lớp 9, là cán bộ trưởng thôn của xã Lầu Thí Ngài, ăn lá ngón tự tử năm 2002.

Chị Phá là người có uy tín trong thôn, được bầu làm trưởng thôn năm 2000. Trong thời gian công tác, chị thường xuyên phải đi vận động bà con, tổ chức các cuộc họp thôn, đặc biệt vào các buổi tối. Năm 2001 chị được giao kiêm nhiệm vụ công an viên của thôn. Công việc bận rộn: ngày đi nương, đêm tranh thủ đi làm nhiệm vụ của thôn. Do nghi ngờ chị đi chơi ngoài (chơi trai) nên chồng chị thường xuyên có hành động mắng chửi, thậm chí còn cầm dao dọa giết vợ nếu bắt được quả tang vợ đi chơi với người khác. Chị Phá đã nhiều lần thanh minh nhưng chồng không tin. Do phần uất, chị đã ăn lá ngón tự tử, để lại một cháu gái 4 tuổi.

Hộp 2: Thảo luận nhóm cao tuổi xã Thái Giàng Phố.

Hỏi: Từ năm 2000 trở lại đây có mấy trường hợp ăn lá ngón tự tử.

Đáp: Thôn Ngài Ma không có trường hợp nào trong năm nay. Từ năm 2000 đến nay thì có 2 người. Chết hai con cùng trong một nhà, đứa con đầu của ông Độ này chết năm ngoái do chồng đánh, tự tìm lá ngón ăn chết rồi. Đứa con trai là anh của nó cũng ăn lá ngón chết, thấy bảo là do bố chửi nhiều nên ăn lá ngón chết.

Hỏi: Ở thôn nào có nhiều người ăn lá ngón nhất?

Đáp: Thôn Dìn Thàng, Xán Sả Hồ thì có nhiều lắm. Thôn Làng Thố cũng có nhiều người chết do ăn lá ngón. Nguyên nhân chết thì mình không biết; nghe nói là con gái đi lấy chồng cũng chết, con trai lấy vợ về không thích thì cũng chết. Năm ngoái đi đám ma 3 lần. Năm nay thì không có lần nào.

Trong tình huống khác, bạo lực gia đình lại xảy ra giữa cha mẹ và con cái. Đã có nhiều trường hợp dẫn tới cái chết

của những em gái bị bố mẹ ép gả lấy chồng nhưng bị chồng thờ ơ đã tìm ăn lá ngón tự tử.

Hộp 3: Thảo luận nhóm thanh niên/học sinh xã Thái Giàng Phố.

Nữ, học sinh lớp 9: Có trường hợp chị của em lấy chồng, chị tên là Cọ. Lúc đó chị 18 tuổi. Chị không tâm sự với ai. Chị đã đi hái lá ngón ăn. Chị bị chết năm 1997.

Lúc đó bố mẹ đã cho kéo về nhà chồng. Chị thích anh nhưng anh không thích chị. Anh cứ đi tán gái nên chị buồn và ăn lá ngón.

Nữ, học sinh lớp 7: Em có chị Súa. Chị hơn em 8 tuổi (sinh 1985). Chị bị bố mẹ ép lấy chồng ở Văn Bàn. Chị có đi. Chị buồn mãi, không thích và ăn lá ngón chết. Chị chết năm 2000 (lúc đó em học lớp 2). Lúc chị chết bố mẹ buồn, không có ý định bắt em lấy chồng sớm nữa.

Nữ, học sinh lớp 8: Chị con bác em cũng bị chết. Chị Dưa bố mẹ bắt lấy chồng ở bản Lìn. Chị không thích. Bố mẹ bắt đi. Khi về nhà chồng, chị buồn ăn lá ngón chết. Chị Dưa ít hơn chị Súa 1 tuổi (1986). Chị gái của em là Súa, sinh năm 1987, do bố mẹ ép phải lấy chồng ở Văn Bàn, chị không đồng ý, khóc nhiều đêm và quyết định tìm lá ngón tự tử năm 2001.

Chị họ của Tộc là Dứa sinh năm 1988, cũng do bố mẹ ép lấy chồng. Chồng của Dứa hơn 1 tuổi nhưng không thích Dứa, thường bỏ vợ đi chơi tìm bạn gái khác. Dứa đã tìm tới cái chết năm 2003.

Các trường hợp bố mẹ ép gả con lấy vợ lấy chồng ở độ tuổi 15 - 17 khá phổ biến. Trong số 8 học sinh được chọn để thảo luận nhóm ở xã Lầu Thí Ngòi thì có tới 4 em đã có vợ, có chồng, trong khi các em đang học ở lớp 7, 8. Các em đều tuân theo sự sắp đặt của cha mẹ vì cho rằng “Con cái không được làm trái ý cha mẹ, càng không được cãi lại cha mẹ”; trong khi đó, nguyện vọng của các em vẫn là mong muốn được đi học.

Trong khi đó, nhận định chung của các cấp lãnh đạo xã Lầu Thí Ngòi và Thái Giàng Phố cho rằng mâu thuẫn trong gia đình người Hmông là rất ít; theo đó, bạo lực gia đình xảy ra là không đáng kể. Kết quả điều tra về thực trạng bạo lực trong gia

đình ở 400 đối tượng được điều tra cũng cho thấy bạo lực rất ít xảy ra đối với gia đình Hmông. Vậy vấn đề ở đây là gì? Với tỷ lệ 63,5% đối tượng là mù chữ, không biết tiếng phổ thông thì phần lớn họ không hiểu được câu hỏi và cũng không trả lời đúng với thực tế. Mặt khác, trong bối cảnh văn hoá tộc người, các hành vi chồng mắng chửi vợ hay bố mẹ đánh, mắng chửi con cái là việc làm bình thường trong sinh hoạt hàng ngày. Các hành vi đó không được coi là hành vi bạo lực. Vì vậy, khi hỏi về thực trạng hành vi bạo lực trong gia đình, chúng tôi đã không thu được thông tin vì tuyệt đại đa số phiếu trả lời đều cho rằng họ không bao giờ thấy có những hành vi bạo lực gia đình.

Bảng 2: Mức độ xảy ra hành vi bạo lực gia đình

TT	Hành vi	Mức độ											
		Hàng ngày		Hàng tuần		Hàng tháng		Hiếm khi		Không có		Không biết	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Đánh đập	1	0,3	7	1,8	12	3,0	117	29,3	184	46,0	79	19,8
2	Chửi mắng	4	1,0	7	1,85	18	4,5	151	37,8	144	36,0	76	19,0
3	Đuổi khỏi nhà	0	0	1	0,3	31	7,8	-	-	273	68,3	94	23,8
4	Phá hoại làm hư hỏng tài sản	1	0,3	2	0,5	2	0,5	31	7,8	258	64,5	106	26,5
5	Bỏ nhà đi	-	-	-	0,3	-	-	27	6,8	267	66,8	105	26,3
6	Bất làm việc nhiều	1	0,3	4	1,0	-	-	10	2,5	270	67,5	115	28,8

Đánh giá về mức độ tăng hay giảm của hành vi bạo lực trong 5 năm qua, có tới 62,5% ý kiến đồng tình cho rằng hành vi bạo lực gia đình có xu hướng giảm. Chỉ có 2,5% ý kiến cho rằng hành vi bạo lực có xu hướng tăng lên. Như vậy, việc chấp nhận các hành vi bạo lực gia đình ở người Hmông là khá rõ ràng. Điều này liên quan chặt chẽ tới trình độ nhận thức và học vấn của người dân.

4.2. Nhận thức về bạo lực gia đình

Các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu cho thấy phần lớn người dân đều không có nhận thức rõ ràng về bạo lực gia đình. Khái niệm bạo lực chưa được nghe nói đến hoặc có nghe nói nhưng ở mức độ rất mơ hồ. Theo kết quả khảo sát phiếu điều tra hộ gia đình, có tới 63,3% số người được hỏi chưa bao giờ nghe nói đến bạo lực gia đình;

36,8% đã được nghe nói nhưng hiểu biết rất mơ hồ.

Trên thực tế, thông tin về bạo lực gia đình đến với người Hmông chủ yếu qua các cuộc họp thôn và do chính quyền cơ sở cung cấp. Phần lớn các hộ gia đình người dân không có các phương tiện nghe nhìn. Việc triển khai các chính sách, đường lối, thực hiện chủ trương pháp luật của Nhà nước chủ yếu dựa vào đội ngũ cán bộ cơ sở. Tuy nhiên, trình độ nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ sở còn rất hạn chế.

Với cách nghĩ đơn giản, nhiều chị em phụ nữ Hmông chấp nhận những hành vi thô bạo của các ông chồng với quan điểm cho rằng “phải biết thông cảm”. Chỉ có một số hành vi được xác định khá rõ là hành vi bạo lực gia đình như đánh đập, chửi mắng.

Bảng 3: Ý kiến về hành vi được xem là bạo lực gia đình

TT	Hành vi	Tổng số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Đánh đập	232	58
2	Chửi mắng	204	51
3	Bắt phải làm việc nhiều	30	7,5
4	Bỏ nhà đi	34	8,5
5	Bắt ăn lá ngón tự tử	75	18,8
6	Không cho quan hệ với người ngoài	24	6,0
7	Ép vợ (hoặc chồng) quan hệ tình dục	4	1
8	Bỏ mặc không quan tâm chăm sóc	29	7,3
9	Phá hoại, làm hỏng tài sản	64	16
10	Đuổi khỏi nhà	32	8
11	Không biết	145	36,5
12	Khác	13	3,3

Tương tự như vậy, nhận thức về hậu quả của bạo lực gia đình cũng được hiểu một cách chung chung, không rõ ràng và không có thái độ dứt khoát.

Bảng 4: Ý kiến về hậu quả của bạo lực gia đình

TT	Hậu quả	Tổng số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Gây thương tích thân thể	57	14,3
2	Tổn thương về tinh thần	72	18
3	Ly thân	0	0
4	Ly hôn	5	1,3
5	Tài sản bị tổn thất	2	0,5
6	Con cái không được chăm lo	4	1
7	Tự tử	5	1,3
8	Từ hai hậu quả trở lên	100	25
9	Khác	153	38,3

Như vậy, về nhận thức, đa số người Hmông trong diện điều tra đều không hiểu một cách rõ ràng về bạo lực gia đình. Những hiểu biết rất mơ hồ của họ cùng với yếu tố văn hoá tộc người, trình độ văn hoá hạn chế khiến cho họ chấp nhận bạo lực gia đình như là một điều hiển nhiên. Điều đáng nói ở đây là chính do sự hạn chế này mà tỷ lệ người Hmông tự tử liên quan đến bạo lực gia đình là khá lớn và rất phổ biến ở miền núi phía Bắc nước ta.

4.3. Các nguyên nhân dẫn tới bạo lực gia đình

Một trong những nguyên nhân hết sức quan trọng dẫn tới tình trạng bạo lực trong gia đình của người Hmông hiện nay là do trình độ nhận thức còn rất hạn chế. Với tỷ lệ

mù chữ khá cao (63,8%), trong đó tập trung chủ yếu là phụ nữ (161/179 người), chiếm tỷ lệ 90%. Với đặc tính ít bộc lộ tình cảm, ít cơ hội giải bày với người khác nên trong các tình huống éo le của cuộc sống, họ thường tìm tới cái chết mà không nhờ sự giúp đỡ can thiệp của những người thân, cộng đồng và các đoàn thể, chính quyền địa phương.

Trong văn hoá người Hmông gia đình là phụ hệ, với vai trò quyết định của người cha, người anh. Chính tính gia trưởng, độc đoán của họ trong việc quyết định mọi công việc, sinh hoạt của mọi thành viên trong gia đình đã dẫn tới nhiều trường hợp thương tâm: một số thành viên trong gia đình đã tìm đến cái chết thay cho việc giải bày tâm sự, mong muốn của mình.

Hộp 6: Phỏng vấn sáu một nam học sinh (sinh năm 1990) và một nữ học sinh (sinh năm 1989) ở xã Lâu Thị Ngài về việc lấy vợ, lấy chồng

- Nam: Em không muốn nhưng bố mẹ em bắt phải lấy.

- Nữ: Em không biết, thấy người ta đến bắt em về nhà chồng thì em phải theo. Bây giờ em bỏ chồng rồi nên đi học tiếp.

Hỏi: Vì sao bố mẹ bắt phải lấy vợ sớm?

- Nam: Vì bố mẹ bảo là phải lấy vợ để có người về đi làm nương.

- Nữ: Bố mẹ bắt lấy và em bị bắt làm vợ; gia đình người ta đến hỏi cưới.

- Em không thích vì em muốn đi học.

Hỏi: Khi em từ chối bố mẹ có mắng không?

- Có, mẹ mắng nhiều. Mẹ mắng em phải đi lấy chồng (em nữ khóc).

- Em chỉ muốn đi học tiếp. Em chưa biết làm gì; lấy chồng thì không biết phải làm gì.

- Bố mẹ bắt lấy vợ, nhưng em không thích. Em muốn đi học.

- Bố mẹ chỉ mắng, không đánh, nhưng em trốn đi nhà khác để đòi đi học.

Hỏi: Em đã kéo vợ về chưa?

- Em đã kéo về rồi. Em phải làm theo ý bố mẹ không thì bố mẹ mắng nhiều quá. Nhưng em không thích nên lại bỏ. Em không nói chuyện với nó; nó chán nên nó bỏ đi.

Bảng 5: Nguyên nhân quan trọng dẫn tới bạo lực gia đình

TT	Nguyên nhân	Tổng số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Khó khăn về kinh tế	155	38,8
2	Rượu bia	215	53,8
3	Cờ bạc, lô đề	23	5,8
4	Nghiện hút	22	5,5
5	Thiếu hiểu biết về pháp luật	46	11,5
6	Văn hoá thấp	51	12,8
7	Ghen tuông, ngoại tình	62	15,5
8	Khác	32	8
9	Không biết	103	25,8

Theo kết quả ở bảng 5, nguyên nhân rượu bia được đánh giá là yếu tố quan trọng dẫn tới các hành vi bạo lực gia đình (53,8% ý kiến người được hỏi). Đối với người Hmông, hiện tượng uống rượu, say rượu là khá phổ biến. Thậm chí rượu còn được coi là thú vui đối với nhiều người. Do vậy, các hành vi bạo lực gia đình thường xảy ra khi thủ phạm trong tình trạng say rượu hoặc mượn rượu. Nguyên nhân thứ hai là do trong điều kiện khó khăn về kinh tế của gia đình (phần lớn thời gian đồng bào phải đi làm nương, làm ruộng). Nhiều người chồng không chịu lao động, thích đi chơi, lấy tiền của vợ đi chơi... nên thường xuyên xảy ra xung đột và dẫn tới các hành vi bạo lực. Nguyên nhân ghen tuông cũng có vị trí quan trọng. Trong đời sống của người Hmông, việc đàn ông đi chơi (ngoại tình) có thể chấp nhận được. Nhưng điều này không thể chấp nhận đối với người phụ nữ đã có chồng.

Đối với hành vi bị ép quan hệ tình dục, phần lớn các đối tượng được hỏi đều cho rằng

đó là những sinh hoạt vợ chồng, không phải là bạo lực. Do vậy, giải pháp chủ yếu nhóm phụ nữ đưa ra là phải chấp nhận và phải chiều chồng. Ngay trong nhận thức của phụ nữ Hmông, chị em cho rằng việc chiều chồng trong quan hệ tình dục không phải là sự cưỡng ép. Vợ phải có trách nhiệm chiều và chăm sóc chồng ngay cả khi bị chồng đánh, đối xử tệ bạc.

Trong 4 xã được tiến hành nghiên cứu, hiện tượng nghiện hút, sử dụng ma túy chỉ có ở một số đối tượng thuộc xã Tân Lập, huyện Mộc Châu. Các đối tượng nghiện hút, chích ma túy có những hành vi, đánh vợ, đòi vợ phải đưa tiền để hút, chích ma túy. Tuy nhiên, tại các điểm nghiên cứu hiện tượng này không nhiều nên không phải là nguyên nhân chính gây ra bạo lực gia đình.

4.4. Giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình

Giải quyết bạo lực trong gia đình ở người Hmông trước hết phải dựa trên thực tế

đời sống văn hoá và tâm lý tộc người của đồng bào Hmông. Do vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tìm hiểu các phương án được đồng bào cho là giải pháp tốt nhất phòng tránh bạo lực trong gia đình.

Trong số 400 đối tượng được hỏi ý kiến, có tới 51,5% ý kiến cho rằng khi có hiện

tượng bạo lực trong gia đình không cần phải báo cho ai đến can thiệp. Họ cho rằng đây là chuyện riêng của gia đình, của cặp vợ chồng nên không cần phải có sự can thiệp của người ngoài. Vai trò của chính quyền, đoàn thể trong việc can ngăn, hoà giải trên thực tế là rất thấp.

Bảng 6: Người can thiệp, giúp đỡ khi có bạo lực gia đình xảy ra

Đối tượng can thiệp, giúp đỡ	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		Không có	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Những người thân trong gia đình	5	1,3	54	13,5	167	41,5	169	42,3
Trưởng họ	3	0,8	39	9,8	170	42,5	183	45,8
Hội Phụ nữ	2	0,5	26	6,5	167	41,5	200	50
Hội Nông dân	2	0,5	26	6,5	163	40,8	204	51
Mặt trận thôn/xã	2	0,5	22	5,5	161	40,3	210	52,5
Công an thôn/xã	2	0,5	22	5,5	164	41	207	51,6
Trưởng thôn	2	0,5	24	6	161	40,3	208	52
Y tế xã	2	0,5	24	6	161	40,3	208	52
Ban hoà giải	2	0,5	24	6	163	40,8	206	51,5
Hội người cao tuổi	2	0,5	23	5,9	162	40,6	207	51,6

Các cấp chính quyền, lãnh đạo địa phương rất quan tâm và ủng hộ việc phòng chống bạo lực gia đình, giải quyết các mâu thuẫn gia đình, nhưng người dân coi là chuyện riêng, chuyện của hai vợ chồng nên không ai muốn báo cáo với các đoàn thể, cấp chính quyền. Trong việc giải quyết mâu thuẫn trong gia đình và phòng chống bạo lực, vai trò của những người thân, trưởng họ là rất quan trọng. Sự can thiệp của chính quyền được coi là cần thiết trong những trường hợp

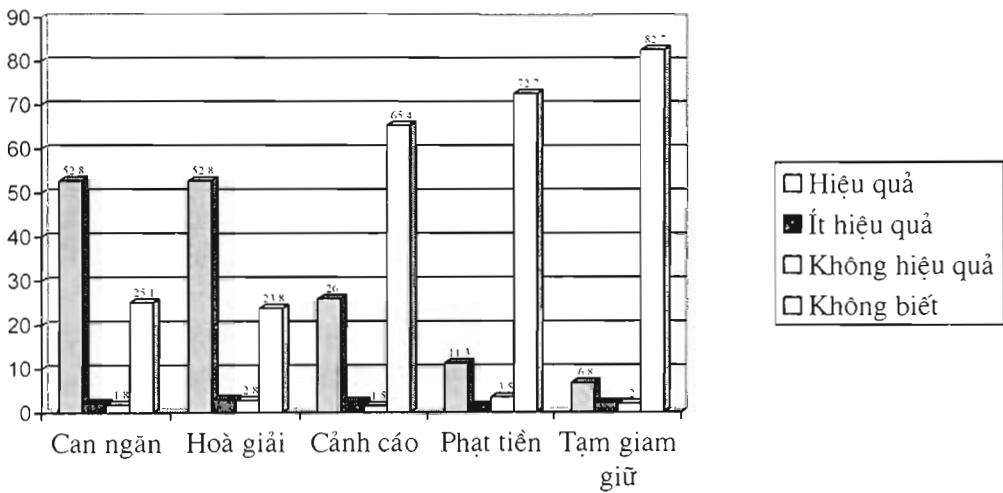
nạn nhân bị đánh đập nặng, bị đánh nhiều lần và đã nhiều lần hoà giải không có kết quả. 59,3% ý kiến đồng ý với quan điểm này. 42% ý kiến cho rằng cần đưa nạn nhân đến ở tạm nhà họ hàng, người thân khi cần thiết. 29,3% ý kiến đề nghị đưa đi trạm y tế và chỉ có 3,5% ý kiến đồng tình với việc đưa nạn nhân tới nhà tạm lánh riêng.

Về biện pháp xử lý đối với người có hành vi bạo lực gia đình: 76,8% ý kiến cho rằng cần đưa họ ra phê bình, kiểm điểm ở

cuộc họp thôn/bản; 65,8% ý kiến đồng ý việc nên giáo dục bắt buộc nhằm thay đổi hành vi. Tuy nhiên, ý kiến tập trung nhất vẫn là vận động gia đình, người trong dòng họ can thiệp, giúp đỡ (81,8%). Như vậy, người thân trong gia đình, người có uy tín trong dòng họ vẫn có vị trí quan trọng trong việc giải quyết, các mâu thuẫn trong gia đình, phòng và chống các hành vi bạo lực gia đình.

Biện pháp can ngăn, hoà giải vẫn được người dân lựa chọn với tỷ lệ cao nhất (74,8%); giải pháp tạo điều kiện sớm được ly hôn chỉ có 7,5% ý kiến đồng ý. Trong khi đó, các biện pháp phạt tiền, tạm giam giữ người có hành vi bạo lực ít được người dân ủng hộ. Biện pháp bắt lao động công ích cũng được chấp nhận nhưng tỷ lệ người đồng ý không cao.

Biểu đồ 1: Hiệu quả các biện pháp can thiệp phòng chống bạo lực



Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng hiện tượng bạo lực gia đình có xu hướng giảm ở các xã có kinh tế khá phát triển như xã Tân Lập, huyện Mộc Châu. Đi đôi với việc phát triển kinh tế, các gia đình, dòng họ người Hmông ở huyện Mộc Châu đã tổ chức các buổi lễ ăn thề (*naox sòngf*), xây dựng hương ước, quy ước của dòng họ, cộng đồng các bản dân tộc Hmông về việc xây dựng nếp sống mới, xây dựng gia đình hạnh phúc và phát triển kinh tế hộ gia đình. Để làm được việc này, trước hết phải nói đến vai trò của các già làng, những người có uy tín trong dòng họ và cán bộ thôn bản. Họ là những người tích cực vận động các gia đình,

dòng họ thực hiện nếp sống mới theo quy ước đã được chính người dân trong cộng đồng xây dựng và thống nhất thực hiện.

Một vài nhận xét

Trong đời sống của người Hmông, do ảnh hưởng của phong tục tập quán, nhận thức và trình độ dân trí chưa cao, bạo lực gia đình ở người Hmông đang diễn ra hàng ngày. Mặc dù hiện tượng này không gây ra áp lực đối với các cấp chính quyền địa phương nhưng trên thực tế đang ảnh hưởng trực tiếp tới sinh mạng và cuộc sống của nhiều người, đặc biệt là nhóm thanh niên đang độ tuổi xây dựng gia đình. Mặc dù

trong 5 năm qua, các hành vi bạo lực gia đình có xu hướng giảm nhưng nó vẫn còn là hồi chuông cảnh báo về việc cần thiết phòng chống bạo lực gia đình.

Trình độ văn hoá của người Hmông còn quá thấp. Tỷ lệ mù chữ cao đặc biệt đối với người phụ nữ. Cộng đồng dân tộc Hmông thường khép kín ít giao lưu, tiếp xúc; do vậy, nhận thức của người dân về vấn đề bạo lực còn thấp. Điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Đây là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới tình trạng bạo lực trong gia đình và các vụ tự tử liên quan đến bạo lực gia đình ở người Hmông.

Các giải pháp phòng chống bạo lực được người dân lựa chọn chủ yếu vẫn là giải pháp hoà giải, vận động gia đình, dòng họ can thiệp và giải quyết trong phạm vi nội bộ gia đình. Sự can thiệp của chính quyền, công an và các tổ chức đoàn thể ít được người Hmông chấp nhận. Vai trò của những người có uy tín trong gia đình, dòng họ được khẳng định trong việc giải quyết mâu thuẫn và hạn chế bạo lực gia đình.

Kiến nghị

1. Cần sớm ban hành Luật phòng chống bạo lực trong gia đình. Trong nội dung của Luật cần lưu ý đến các yếu tố tạo dựng gia đình bền vững và vai trò của gia đình, dòng họ trong việc phòng, chống bạo lực trong gia đình. Ngôn ngữ dùng trong Luật cần đơn giản, dễ hiểu để có thể dễ dàng đến với người dân khi trình độ nhận thức, trình độ dân trí của một bộ phận người dân còn rất hạn chế.

2. Cần soạn thảo các văn bản dưới Luật để giúp cho người dân nhận thức rõ ràng hơn về luật pháp. Đồng thời phải thực hiện đồng bộ nhiều chính sách phát triển kinh tế – xã

hội ở vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc về luật pháp.

3. Xây dựng các mô hình gia đình văn hoá, hương ước xây dựng văn hoá có sự tham gia của chính người dân địa phương. Trong đó có nội dung về phòng chống bạo lực gia đình. Khuyến khích những người có vai trò quan trọng trong cộng đồng tham gia và thực hiện các hương ước, quy ước ở cấp thôn bản và cấp cộng đồng dân tộc.

4. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền cần nâng cao các hoạt động truyền thông trực tiếp về luật pháp đối với người dân tộc thiểu số nói chung, người Hmông nói riêng nhằm nâng cao nhận thức luật pháp của người dân. Khi người dân đã có kiến thức về luật pháp, có nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mỗi thành viên trong gia đình sẽ hạn chế được những trường hợp đáng tiếc do mâu thuẫn nhỏ trong gia đình.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thuý Bình (1992), “Gia đình Hmông trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 34 - 38.

2. Không Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Nguyễn Thu Hà (1998), “Bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, Số 3.

4. Bùi Thu Hằng (2001), “Bạo lực trong gia đình”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, Số 2, tr. 26 - 30.

5. Đặng Thị Hoa (2001), “Vị thế của người phụ nữ Hmông trong gia đình và xã

hội”, *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 3, tr. 27 - 32.

6. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1997), “Thực trạng tình hình bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình Việt Nam” (*Báo cáo kết quả nghiên cứu sau 8 năm thực hiện Luật Hôn nhân gia đình của Viện Kiểm sát Nhân dân*, trình bày trong Hội nghị ngày 18/9/1997, không xuất bản).

7. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Thị trường và Phát triển (2001), “Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn, Tiền Giang”, Báo cáo khoa học.

8. Vũ Tuấn Huy (2003), *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

9. Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, Nguyễn Hữu Minh và Jennifer Clement (1999), *Bạo lực trên cơ sở giới: Trường hợp Việt Nam*, Ngân hàng thế giới.

10. Dương Thị Thanh Mai (2005), “Vấn đề bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ” trong: *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

11. Nguyễn Hữu Minh, Lê Ngọc Lân, Nguyễn Thị Mai Hoa (2005), “Nghiên cứu bạo lực gia đình trên cơ sở giới ở Việt Nam”, Báo cáo Dự án được tài trợ bởi Ford Foundation.

12. Lê Thị Quý (1994), “Bạo lực vô hình trong gia đình”, *Báo Khoa học và Đời sống*, ngày 26/5/1994, tr. 4.

13. Lê Thị Quý (1999), “Bạo lực gia đình và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách của trẻ em”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, Số 4, tr. 31 - 37.

14. Đỗ Ngọc Tấn, Đặng Thị Hoa, Nguyễn Thị Thanh (2004), *Một số đặc điểm về gia đình của dân tộc Hmông, Dao tại hai tỉnh Cao Bằng và Lai Châu*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

15. Hoàng Bá Thịnh (2005), *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

16. Lê Thị (2001), “Bạo lực đối với phụ nữ là nguyên nhân hạn chế sự tiến bộ và phát triển”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, Số 2, tr. 23 - 25.



Hai mẹ con (người Hmông ở Điện Biên)